

Chương Năm

Sống Lại Đời Sinh Viên

Quả nhiên đúng như anh tính toán, điểm GMAT của anh cao, anh được thâu nhận vào chương trình MBA đầu năm 1983 và tháng giêng năm đó anh bắt đầu cuộc đời sinh viên trở lại, ngày đi dạy, chiều tối cắp sách đến trường theo các buổi thuyết giảng.

Ngày ngày anh lấy xe buýt đi làm. Anh thường hay đến trường sớm để dạy kèm một số học sinh không theo kịp các bạn trong lớp. Năm đó, trường có khoảng sáu chục học sinh Việt tị nạn, phân nửa là những em không có gia đình, những em này đã vượt biển một mình đến đất Mỹ với tư cách "vị thành niên không có thân nhân đi theo" (unaccompanied minor). Các em này sống với bà con xa hay đôi khi với những người cùng xóm cùng làng, như làng đánh cá ở đảo Phú Quý, miền Trung nước ta. Khi còn ở trại tị nạn, nhiều em đã khai nhỏ tuổi hơn tuổi thật năm ba tuổi để dễ được bốc đi, cho nên khi sang đến Mỹ các em tuy lớn tuổi nhưng vẫn còn đi học trung học. Anh rất thương những học sinh của anh và thường tổ chức đi chơi, đi picnic với các em. Anh đứng ra bảo trợ hội học sinh Việt Nam trong trường và thường họp các em lại để sinh hoạt chung. Tết đến, học sinh Việt tổ chức liên hoan tất niên trong lớp học. dành riêng cho Học Sinh Việt Nam, có ca hát múa và ăn tiệc linh đình, cũng đủ thức ăn Tết như kẹo, bánh, mứt, xôi, bánh chưng, giò chả do cha mẹ các em làm ở nhà và cung cấp. Các em mời từ hiệu trưởng, hiệu phó đến các chủ nhiệm và các giáo sư của các em đến tham dự. Đại diện hội học sinh Việt nam lên chúc các thầy cô theo đúng phong tục của người Việt mình làm cho các thầy cô Mỹ cảm động và mến thương các em hơn. Đến tết Trung Thu, thầy trò đi mua bánh về mừng ngày lễ của dân tộc, giờ cơm ngồi ăn với nhau. Mỗi lần như thế, đều có chụp hình kỷ niệm.

Năm đó còn có thêm thầy Tuấn, là một bác sĩ tốt nghiệp ở Saigon mới qua tị nạn, làm phụ giáo cho anh và giúp các em vừa cố gắng học hành vừa gần bó với nhau để nương tựa giúp đỡ nhau. Tuấn còn trẻ nên rất hăng hái. Anh xung phong hướng dẫn các em sinh hoạt tập thể và chỉ bảo các em trong việc học hành, không cho các em lơ đãng, và nhất là luôn luôn kiểm soát không để các em sa ngã. Cả Hoàng lẫn Tuấn đều thường xuyên khuyên bảo

các đàn em phải cố gắng học để tốt nghiệp trung học đúng thời hạn và để được nhận vào đại học.

Nhưng chỉ ba năm sau thì số học sinh đó đã lần lượt ra trường, hoặc lên đại học hoặc đi học nghề chuyên môn. Từ những năm 84 trở đi số tị nạn người Việt được tới Mỹ từ các trạm tị nạn không còn đông nữa. Đến năm 1985, chỉ còn một số ít học sinh Việt mà phần lớn chúng đã rành tiếng Anh nên không cần sự chỉ dẫn của giáo sư người Việt nữa. Do đó Hoàng chuyển sang dạy Pháp Văn rồi sau đó, với sự phát triển của bộ môn điện toán tại các trường trung học, anh đã bắt đầu chuyên dạy môn học mới mẻ này. Bao nhiêu vui buồn gắn bó anh với ngôi trường đó. Những ngày anh dạy tại Trường Trung Học Mission, anh sống độc thân vì gia đình anh còn ở lại Saigon, anh sống trong cô đơn, không có một niềm an ủi nào ngoại trừ những em học sinh mà nay anh coi đã thuộc đại gia đình của anh, anh vui buồn với chúng, nhớ chúng khi xa, thương chúng khi gần.

Những ngày cuối tuần anh vùi đầu vào việc học nên quên bớt nỗi sầu. Sáng thứ bảy, sáng chủ nhật, anh thường đến ngồi suốt ngày trong thư viện của trường State (tiếng tắt của San Francisco State University), anh phải đi sớm để dành được một trong hàng trăm cái bàn nhỏ sát tường, nơi đó anh có thể ngồi một mình. Những dãy bàn đó có những miếng ván cao đến đỉnh đầu ngăn chia ra thành từng ô nhỏ biệt lập, tuy không có cửa vào vì phía đối diện với tường để hở, nhưng ngồi đấy vẫn dễ tập trung tư tưởng hơn vì không có ai ở bên cạnh mình. Anh chúa ghét những bàn lớn đặt giữa phòng vì ngồi đó anh sẽ phải chung đụng với năm bảy sinh viên khác. Nhiều hôm anh phải leo hết lầu này đến lầu kia cứ chui ra chui vào thang máy mới tìm được một chiếc bàn loại biệt lập còn trống để mà ngồi. Như thế anh sẽ ở đó học cho đến khi thư viện đóng cửa vào lúc 10 giờ tối. Đôi khi, anh theo những sinh viên khác lên tuốt trên tầng chót của Student Union học tiếp rồi ngủ đêm ngay tại đó. Tối đêm trời lạnh lẽo, anh cùng những đứa bạn leo hàng trăm bậc thang lộ thiên để lên đến đỉnh tòa nhà, chui cửa sổ vào đó học nữa cho đến một hai giờ sáng để rồi ngủ thiếp đi cho đến ngày hôm sau.

Sau này anh khám phá ra một chỗ ngồi học yên bình hơn nữa: đó là những phòng học trống, không có lớp học vào cuối tuần. Anh cứ đi từng phòng xoay quả đấm mở thử cánh cửa. Nhiều khi cửa khóa, anh đành sang phòng bên, đôi ba khi cửa không khóa, anh mở khẽ cánh cửa, thò đầu vào. Có thể anh sẽ thấy một sinh viên khác đã chiếm nơi đó rồi, anh vội vàng mỉm cười và thốt lên, "Oh Oh! I'm sorry!" để rồi rút lui có trật tự và đi tìm phòng khác, nếu may mắn anh có được căn phòng để làm nơi học cho riêng mình suốt ngày.

Anh đã dồn tất cả tâm trí vào việc học để quên đi nỗi nhớ nhà, nhớ vợ con, quên đi những thôi thúc trong lòng, những thèm muốn mà anh không thể có

được. Vào cái tuổi 40, anh vẫn còn thấy sung sức, vẫn còn có thể tranh đua với những thanh niên tuổi kém anh mười, mười lăm tuổi. Và lại những khi quên mình, anh đâu nghĩ anh đã bốn mươi? Anh sống bên cạnh học sinh trung học và giới thanh niên, hòa đồng với họ, làm bạn với họ, làm sao anh chẳng thấy mình còn trẻ? Chỉ những khi nằm chơi với trong nỗi buồn, khi anh nghĩ lại đến thân phận anh, anh mới ý thức lại con người thật của mình. Thực tế phũ phàng lúc ấy đưa anh trở về với những cái day dứt của tâm tư, cái đau sót của tâm hồn. Những khi đó, anh đi tìm quên lãng trong ly rượu, bao thuốc, tiếng nhạc, lời ca. Anh đã xuống downtown kiếm mua chục băng cassette của Lê Thu, Khánh Ly để những khi buồn anh mở khế chiếc máy cassette rồi áp tai vào chỗ có ống loa, rồi để tâm hồn trôi đi theo những giòng tư tưởng quay cuồng như điên dại. Khi men rượu khói thuốc đã đưa anh đến một thế giới không tưởng rồi thì tiếng hát Lê Thu hay Khánh Ly anh vẫn nghe nhưng đâu còn hiểu gì nữa? Anh chỉ cần âm thanh giọng nói quen thuộc diu anh đi sâu hơn vào cái thế giới của anh, cái thế giới mà anh mong muốn cả đời mà không tìm được. Những giờ phút đau đớn đó rồi cũng trôi đi, anh cuối cùng đầu hàng tình thế, anh gục xuống thiếp đi để khi tỉnh dậy mới thấy mình đã lại vừa sống qua một cơn ác mộng. Bao nhiêu ác mộng anh đã trải qua, anh không đếm, nhưng chắc hẳn nhiều lắm. Những cơn đó đôi khi xảy đến thường xuyên hơn; đôi khi khác anh sống được yên lành vài ba tháng trời không sao, không bệnh hoạn, không ám ảnh. Con người anh lúc mạnh lúc yếu, tâm hồn anh lúc xa cơ, lúc chiến thẳng, anh không kiểm soát được. Anh cứ để cho tim anh đập, hồn anh trôi theo những cảm xúc khi có khi không, khi nhiều khi ít, bỏ mặc chính anh cho hoàn cảnh, cho những chi phối của bên ngoài.

Anh thường đi nghe thuyết giảng vào buổi chiều tối, hôm thì từ 6 giờ đến 9 giờ, hôm thì từ 7 giờ đến 10 giờ. Anh tham lam lấy 9 units và đôi khi 12 units, để rồi phải mệt nhoài, tưởng không kham nổi phải bỏ bớt. Nhưng rồi anh vẫn khư khư giữ, coi đó là một thử thách với chính anh, thử thách với cái ý chí mà xưa kia anh từng tự hào. Anh vui sướng khi nghe các giáo sư khen những lời phát biểu của anh trước lớp. Anh hãnh diện lúc, trước khi trả lại bài viết của anh, vị giáo sư đọc một đoạn văn trong đó và tấm tắc: "Very powerful introduction! Incredible ideas!" Anh tự hào khi bao nhiêu con mắt đổ về phía anh, vài đôi môi xì xào, "May I have a look at your paper?" Anh biết đôi khi chúng đã ghen tức với anh, bởi vì anh chỉ là một tên Mít tị nạn, nói tiếng Anh khó hiểu, ăn mặc không giống ai. Nhưng anh đã luôn luôn tỏ ra khiêm tốn, thân thiện, ân cần với các bạn và vì thế chẳng bao lâu anh đã kết thân được với nhiều đứa, kể cả Mỹ trắng lẫn Mỹ da vàng.

Trong những lúc học chung nhóm, các bạn thường thúc anh cho ý kiến vì anh ít nói. Anh trả lời, "Ý kiến của tôi các anh chị đã nói ra hết rồi, tôi đâu còn gì để nói?" và anh xin đóng cái vai trò đúc kết, anh có bốn phận thuật lại buổi họp, liệt kê những ý kiến đã được phát biểu. Sau này khi phải làm

chung projects, bạn bè biết tính anh, thường đi tìm kiếm, gom góp tài liệu đưa cho anh để anh nghiên cứu, phân tích hay tổng hợp lại thành bài viết của cả nhóm. Anh nhớ những ngày ở trường Luật Saigon, anh thường đọc những bài phân tích án lệ do những giáo sư thạc sĩ Pháp nổi tiếng đăng trong Journaux Juridiques, rồi anh tóm lược và cho ý kiến. Công việc đó anh đã từng làm quen, nên sang Mỹ anh không thấy khó khăn gì khi phải viết những bài nghiên cứu, phân tích. Các bạn anh thích để cho anh làm cái công việc mà đối với một số, họ thấy khó và không muốn làm. Những năm sau khả năng của anh đã được biết đến, các nhóm học thường muốn mời anh vào nhóm họ, đôi khi anh thấy khó lòng vì đi với nhóm này thì phải bỏ nhóm kia.

Ngoài cuộc sống sinh viên vui đầu vào sách vở, nay anh đã một phần nào quen với cuộc sống bên Mỹ, anh thấy anh có nhu cầu sống bình thường như trăm ngàn người tị nạn khác. Anh bắt đầu thấy cần gia nhập vào cộng đồng người Việt Nam ở hải ngoại, tìm hiểu và tham gia vào những sinh hoạt chung. Đôi khi đến cuối tuần, anh lấy xe bus Greyhound đi San Jose thăm anh Cương và chị Sơn, hai anh chị họ của anh, và ở lại chơi, ăn uống với gia đình, ngày hôm sau mới lại lấy xe bus trở về. Anh Cương trước kia là sĩ quan hải quân nên anh tham gia đóng góp công lao vào việc điều hành Gia Đình Hải quân, một tổ chức từ thiện tụ họp những sĩ quan hải quân ly hương. Tổ chức này đã từng bảo trợ cho hàng trăm gia đình hải quân tị nạn mới đến Mỹ và gửi quà về Việt nam giúp đỡ những gia đình hải quân còn kẹt lại. Hội cũng ra báo hàng tháng tên Lướt Sóng để kể lại những chiến công oanh liệt của hải quân Việt nam Cộng Hoà, thông báo những tin tức và ghi lại những sinh hoạt của gia đình hải quân. Vì anh Cương là một trong những tay cột trụ của tổ chức đó tại San Jose, anh thường tổ chức những buổi sinh hoạt cho anh em hội viên tại địa phương. Hoàng chân ướt chân ráo mới đến Cali đôi khi cũng được anh Cương dẫn đi theo tham dự những buổi sinh hoạt đó.

Ngày đó đang có phong trào chống cộng mạnh và nhiều mặt trận quốc gia, và nhiều liên minh mặt trận ra đời. Trong số đó, có Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia của tướng Hoàng Cơ Minh đang được nói đến nhiều nhất. Mặt trận này có những buổi họp hàng tháng để các thành viên sinh hoạt chung và để kết nạp thêm thành viên mới. Những ngày anh còn ở bên nhà, anh đã mơ tưởng đến một ngày các chiến sĩ anh hùng Việt Nam Cộng Hoà vinh quang trở về trong tiếng nhạc chiến thắng, trong bóng cờ vàng phất phới tung bay trở lại trên bầu trời quê mẹ. Anh đã mơ tưởng như thế vì anh đang sống trong một thế giới đen tối, anh đang đau đớn tuyệt vọng. Trong sự tuyệt vọng cùng cực con người, đâu còn lý trí để mà suy luận, để mà phân biệt cái nào phải, cái nào trái? Những năm đó anh cũng như hàng triệu người Việt khác đang sống ở miền Nam đâu còn biết đâu là thực tế, đâu là ảo vọng? Do đó mà họ đã mơ tưởng đến một ngày giải phóng, đến một ngày mà "quân ta

trở về đánh tan giặc thù.” Thậm chí họ còn phù phiếm mơ ước quân Mỹ trở lại, máy bay Mỹ lại oanh tạc ném bom các căn cứ Cộng quân, và hạm đội thứ bảy lại kiểm soát vùng biển của ta.

Nhưng anh đã sáng mắt ra ngay từ những ngày anh đến được các trại tị nạn. Anh sáng mắt ra vì anh đã thấy ánh sáng của sự thật, bọn cộng sản không còn đó để bịt mắt anh, đe dọa anh, ngăn cản bộ óc của anh làm việc. Anh đã sáng mắt ra khi nhận thức rằng chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt từ lâu, thế giới đã quên cuộc chiến đó rồi, và Mỹ đã oán hận cuộc chiến đó nên không còn muốn nhắc nhở đến nó nữa. Còn những người Việt quốc gia ở hải ngoại, tuy vẫn giàu lòng yêu nước, còn đang phải tranh đấu với cuộc sống, họ đang lo xây dựng lại một cuộc đời mới xa quê hương. Họ có thể buồn vì nhớ nhà, họ có thể hận vì cuộc chiến tranh đã chấm dứt ngoài ý muốn của họ, họ có thể đau đớn vì người bạn Mỹ đồng minh cũ đã bỏ rơi họ, nhưng họ không còn tâm trí đâu để mà nghĩ đến ngày trở về vinh quang.

Mà nói cho cùng làm sao mà có cho được cái ngày trở về vinh quang? Làm sao có lại được chế độ Saigon khi mà mình đã bỏ chạy? Những vị tướng lãnh oai nghiêm ăn to nói lớn đã bỏ trốn từ ngày đầu thì làm sao nghĩ đến một cuộc giải phóng quân sự. “Lịch sử đã xoay vần, quá khứ đã trôi qua, hãy để dĩ vãng nằm yên ổn như là dĩ vãng”, Hoàng tự nghĩ. Nói như thế không phải không có ngày Cộng Sản sẽ tàn, vì lịch sử có kể đâu là tàn bạo hay nhân đạo, là gian hay tà, là đúng hay sai? Lịch sử tàn nhẫn xoay vần và như thế chẳng có cái gì có thể tồn tại mãi. Xấu hay đẹp thì rồi cũng tàn, chế độ chính trị hay dở thì rồi cũng biến. Có khác chăng là biến mất hay biến đổi.

Như thế Hoàng cũng đã tò mò đi đến dự một buổi sinh hoạt của mặt trận của tướng Hoàng Cơ Minh. Từ trong đáy lòng anh thấy kính trọng những người có lòng tha thiết với quê hương, những kẻ còn tâm huyết, muốn làm một cái gì đẹp cho tổ quốc, muốn mang hạnh phúc về cho dân tộc. Anh thấy lòng tin của những con người đó còn mạnh, niềm hy vọng còn lớn và anh ước gì anh cũng còn được như họ. Tuy nhiên, mỗi người có một cách suy nghĩ, mỗi người đặt lòng tin vào một hướng, không bó buộc phải là giống nhau. Chế độ tự do là thế. Những ngày sống dưới chế độ độc tài Cộng Sản, nhân dân không có quyền chọn lựa lối suy nghĩ, vì chỉ có thể suy nghĩ một chiều theo bác và đảng, ngoài bác và đảng không còn gì khác để mà tin vào. Vì thế mà không còn niềm tin nữa. Trốn được ra khỏi cái thế giới kìm kẹp đó, cái hạnh phúc lớn nhất của anh là được tự do suy tư. Vì thế mà anh nghĩ rằng đi ngược lại tự do suy tư đó là không được.

Anh đã có một kinh nghiệm không hay liên quan đến lối sinh hoạt chính trị của mặt trận Hoàng Cơ Minh. Sự thể như thế này. Một hôm Trương mời một số thành viên trong mặt trận đến nói chuyện với anh em giáo chức tại ngay nhà anh. Trương tha thiết với việc làm của tướng Minh nên anh muốn tỏ lòng

với Mặt Trận bằng cách kêu anh em đến chơi và ủng hộ tài chính cho mặt trận. Hôm đó, nể Trương nên Hoàng đến. Việc ủng hộ tiền đối với anh không là vấn đề, anh sẵn sàng đóng góp. Nhưng khi các thành viên trình bày mục đích và phương hướng hoạt động của mặt trận và kêu anh em đóng góp ý kiến xây dựng, thì Hoàng đã thành thật nói lên ý nghĩ của anh. Anh nói hai điều: thứ nhất việc làm của Mặt Trận không thể đưa được đến cái mục đích của nó là giải phóng quê hương. Anh đã sống bảy năm với Cộng Sản, anh hiểu rằng chúng sẽ không bao giờ để mất miếng bíp tếch ngon của chúng. Thứ hai, anh nói rằng chẳng phải làm gì thì rồi Cộng Sản cũng tự tiêu. Lý do là vì chẳng có gì tồn tại được mãi mãi. Anh nói theo kinh nghiệm lịch sử, thì các chủ thuyết không tồn tại lâu dài hơn một trăm năm và như vậy thì chỉ chừng năm, mười năm nữa thì Cộng Sản trên thế giới sẽ bắt đầu bằng hoại. Anh nói thế làm cho những thanh viên của mặt trận tức giận và bảo anh là Cộng Sản, thế mới thật là buồn cười. Anh, một người căm thù Cộng Sản, chống đối với cả lý thuyết lẫn thực hành của Cộng Sản mà lại bị vu cáo là Cộng Sản. Nhưng cũng chẳng sao, anh tự nói. Chỉ mình mới biết mình là ai.

Hôm đi San Jose tham gia cuộc họp mặt của những người ủng hộ mặt trận của tướng Hoàng Cơ Minh, tình cờ anh gặp lại Khanh, một người bạn xưa. Khanh là em của Khiêm, Giám học trường Trung Học Sadek, nơi anh dạy khi mới vào nghề làm thầy giáo. Hồi đó anh ở chung nhà với Khiêm, Khanh và một số giáo sư khác. Do đó anh và Khiêm rất thân với nhau. Trước khi bị gọi động viên, Khanh đã tốt nghiệp Kỹ sư Nông Lâm Súc, và đã đi dạy một thời gian cùng trường với Khiêm và Hoàng. Do đó mà hai người quen biết nhau. Gặp được lại Khanh, Hoàng rất mừng vì anh đã có dịp nào gặp lại được những bạn cũ từ quê nhà đâu. Khanh cũng rất mừng khi biết anh mới trốn được ra khỏi Việt Nam, vợ con vẫn còn kẹt lại. Hai người rủ nhau về nhà Khanh chơi, tâm sự. Khanh vẫn còn độc thân chưa vợ chưa con. Anh kể lại rằng anh đã đi hồi 75, sang đây ở Colorado, đã đi học lại, lấy được bằng Master về Forestry Engineering và đã đi làm một thời gian cho Parks and Recreation Agency, một tổ chức của chính phủ Liên Bang. Làm công việc nhọc nhằn đó, anh phải nay đây mai đó, sống nơi thiên nhiên, nơi rừng rú, nơi có cây cỏ. Là một người hiền lành, muốn có một cuộc sống bình an, anh thấy công việc làm đó không phù hợp với tính tình mình nên anh di chuyển về San Jose và làm social worker cho Santa Clara County.

Gặp được Khanh anh mới biết tin Khiêm đang ở New Orleans, Louisiana và hai vợ chồng có một đứa con trai nhỏ. Vợ Khiêm, Ánh, cũng là một giáo sư, trước dạy tại Trung Học Sadek. Sau này anh Khiêm về làm chuyên viên cho Hội Đồng Giáo Dục và chị Ánh về làm chánh sự vụ tại Trung Tâm Học Liệu ở Saigon. Khanh biết rằng Hoàng thân với Khiêm, anh mình, nên anh hứa sẽ đưa Hoàng đi thăm hai vợ chồng Khiêm và luôn thể thăm New Orleans, một

thành phố nổi tiếng của Mỹ vì có những ban nhạc Jazz thượng thặng và có ngày hội hóa trang Carnival.

Tháng bảy năm đó, Hoàng đã cùng với Khanh đi Louisiana thăm hai vợ chồng Khiêm. Thấy gia đình bạn mình đã an cư lạc nghiệp, anh thấy lòng hân hoan. Anh cũng mong mỗi một ngày nào, gia đình anh sang được Mỹ, anh cũng sẽ có được một căn nhà nhỏ, một chiếc xe hơi, như gia đình Khiêm, anh sẽ thấy được đầy đủ hạnh phúc. Tuy nhiên có một điều làm cho lòng anh vương vấn, đó là vì anh được biết sau nhiều năm đã ở Mỹ, Khiêm vẫn không thấy yên tâm, vẫn còn khắc khoải, vẫn không thể hoà đồng vào xã hội mới. Khiêm hay lo lắng vu vơ, không tin tưởng vào chính mình, anh cứ sợ lỡ chuyện này xảy ra, lỡ chuyện kia xảy ra. Nhưng mà làm có chuyện gì xảy ra nữa khi mà anh đã sống tại một nơi luôn luôn có an ninh, không còn gì có thể đe dọa được anh nữa? Hoàng thấy Khiêm không kiểm soát được cảm xúc của mình. Anh đã không còn sống được một cách bình thường nữa. Có thể một cái gì đó đã xảy ra trong quá khứ vẫn còn đe dọa anh, có thể cái hiện tại đầy khó khăn đã làm cho anh lo lắng.

Khiêm là một người giỏi, làm việc luôn đạt được kết quả, luôn luôn đi đến thành công. Anh mê đọc sách nên kiến thức anh sâu rộng. Anh đã là người đã dùng suy tư nhiều. Ngày Khiêm làm giám học tại Sadeo, anh và Hoàng cùng ghi danh học thêm ở trường Luật Saigon và những tuần anh không về Saigon để đến trường Luật thì Hoàng đã thường hay lấy tài liệu ronéo mang về Sadeo cho anh. Hai người đều có ý chí lớn, đều muốn mở rộng kiến thức, học hỏi thêm. Là một giáo sư Sử Địa, anh đã viết nhiều sách cho học sinh. Anh đã nói hai câu mà Hoàng cứ nhớ mãi. Câu thứ nhất, khi nói về dân tộc Việt nam qua các diễn biến lịch sử, anh đã hay nhắc lại một câu mà nhà báo kiêm sử gia người Pháp Jean Lacouture viết về con người Việt, "Un peuple de lions conduit par des ânes" (một dân tộc sư tử bị lãnh đạo bởi những con lừa). Trong cái hoàn cảnh nhiễu nhương của thời gian lịch sử đó, những người như anh bị lãnh đạo bởi những kẻ ngu xi dốt nát trong chính phủ Saigon, quả câu nói đó có ý nghĩa. Câu thứ hai, khi Hoàng được chuyển về Saigon, anh đã mừng cho bạn mình, anh nói "ông sẽ là the right man, at the right place, in the right time." Anh đã khuyên Hoàng về Saigon hãy cố gắng học xong cái cử nhân Luật rồi lấy tiến sĩ. Hoàng đã cố gắng làm như thế nhưng, khốn nạn thay, biến cố năm 75 đã ngăn cản anh đi tới cái đích anh đã định trước đó.

Như thế Hoàng đã ở chơi với hai vợ chồng Khiêm nhiều ngày. Ánh, vợ Khiêm, đã đưa anh đi thăm thành phố New Orleans và anh cứ nhớ mãi hôm anh ngồi bên giòng sông mênh mông Mississippi nhìn những con tàu sặc sỡ chở du khách chạy theo giòng nước. Hôm ấy trời nóng gay gắt, cả trăm độ, anh đã ở trần ngồi hưởng cơn gió mát nhìn cảnh vật và thấy sung sướng làm sao. Từ ngày sang Mỹ, Ánh đã tranh đấu quyết liệt và đã vươn lên nhanh

chóng. Chị là một người đàn bà giỏi, hòa hợp được nhanh chóng vào cái xã hội mới, biết sử dụng tài năng của mình để đi đến thành công. Năm đó, chị đã là một chuyên viên kỹ nghệ họa làm việc cho bộ công chánh của tiểu bang.

.....

Không biết có phải do ngẫu nhiên hay do trời xui khiến, hay vì quả đất tròn những người xa cách nhau hàng bao nhiêu năm rồi cũng có lại cơ hội được gặp lại nhau. Sau khi anh đến ở nhà anh chị Đoàn được vài tuần, anh gặp lại được Chánh, một giáo sư anh đã quen biết tại Trung Học Cao Thắng Saigon. Chánh là cậu của chị Đoàn và ở ngay tại dãy Merced apartments trước trường State, chỉ cách nhà Đoàn có chừng mười blocks. Khi nghe đến tên anh mà lại là giáo sư trung học, Chánh nhận ra anh liền. Ngày xưa khi còn ở Cao Thắng, anh dạy Pháp Văn và Chánh dạy Động Cơ Nổ dưới xưởng, nhưng vì anh là một tay khoái uống rượu nên anh thường xuống ăn nhậu với những giáo sư thực hành dưới đó, vì vậy mà biết Chánh. Sau này anh mới khám phá ra rằng Nghiệp, em trai của Chánh là một học trò của anh khi anh dạy luyện thi Brevet Élémentaire tại một trường tư thực Pháp ở Saigon. Lạ lùng hơn nữa là Minh Nguyệt, một cựu học sinh ở Sadec của anh từ mười lăm năm trước, cũng nhớ ra anh và đến thăm anh khi nghe Chánh kể lại tin anh đã vượt biên đến Mỹ và hiện đang ở San Francisco.

Vào một buổi chiều thứ bảy, Chánh đến thăm Hoàng cùng đi với một người con gái mà anh trông rất quen, nhưng không nhận ra được là ai. Anh đang moi óc, cố nhớ xem mình đã gặp em ở đâu thì Chánh nói:

- Anh Hoàng, chắc anh nhớ đây là ai chứ? Làm sao anh quên cho được? "Mình nghĩ không ra mà hẵn lại còn hỏi đểu!" anh tự nhủ.
- Cô này tôi trông quen lắm, xem nào tôi đã gặp ở đâu đây... Để yên cho tôi nhớ lại...

Người con gái cười mỉm. Từ nãy giờ em chỉ chăm chú nhìn anh mà không nói câu nào. Em mặc một chiếc váy rộng, vải màu xanh da trời có những hoa nhỏ xíu màu tím màu vàng, trông em thật tươi, rất hợp với mùa hè nơi đây.

- Không phải ở Saigon đâu đấy nhé!
- "Không ở Saigon thì ở đâu được nhỉ? Tức thật, mình mới bốn mươi, đâu đã già già mà trí nhớ mình kém thế này?"
- Không thể ở Long Island, không ở Saigon thì ở đâu nhỉ?
- Sadec chứ đâu!
- Sadec... Sadec...tôi nhớ ra rồi! Nguyệt, Minh Nguyệt! Trời ơi! Quả đất tròn! Sao tôi lại có duyên thế này?
- Ô! Thầy nhớ ra em! Tưởng thầy quên em luôn rồi chứ!

Hoàng nhìn Minh Nguyệt, trông em thật duyên dáng, tuy không đẹp nhưng cũng xinh xinh. Em cũng đã trên ba mươi rồi, nhưng trông em còn trẻ lắm,

trẻ hơn là người ở vào cái tuổi đó. Anh nhớ anh đi dạy ở Sadec vào những năm sáu lăm, sáu sáu, sáu bảy, em là học trò trong lớp Pháp Văn của anh. Em là một trong những học sinh ưu tú. Và em lại dễ thương, luôn luôn quần quít bên thầy. Những chủ nhật, anh ở Saigon trở xuống, em thường mang quà đến nhà cho anh. Cam, quít, soài, ổi, và sau này em còn kho thịt, kho cá, nấu canh chua đem đến cho anh ăn. Em nói mẹ em bảo đem biếu thầy.

- Làm sao quên em được? học trò cưng của thầy mà!
- Cưng mà anh suýt quên đấy nhé! Tôi nói chuyện có anh bạn là thầy giáo Pháp Văn ngày xưa, vừa sang đây, Nguyệt hỏi tôi "Có phải thầy Hoàng không?", anh có tưởng tượng được không? Nguyệt nhớ thầy ghê lắm đấy!
- Tôi cũng nhớ em chứ bộ!
- Thôi đi Thầy! Thầy mà nhớ em! Thầy nhớ em sao thầy không nhận ra em liền?
- Tại em thay đổi, em đẹp như vậy làm sao thầy dám nhận?

Em được tôi nịnh, em cười duyên. Tôi biết em sướng lắm, làm đàn bà ai chẳng muốn được nịnh, được khen đẹp?

- Ôi cha! Thầy Hoàng chịu chơi ta!

"Cái Thăng Chánh này! Lúc nào nó cũng phải phá mình!"

- Nguyệt đẹp hơn xưa, tôi phải nói thế chứ nói làm sao bây giờ?
- Phải rồi! Chứ không phải bây giờ không còn thầy trò nữa, thầy Hoàng tán tỉnh cô em hay sao?
- Anh Chánh, sao anh nói vậy? Kỳ quá à! Em không chịu đâu!

Hoàng thấy em đỏ mặt, nhưng nhìn đôi mắt, anh biết em thích được anh tán tỉnh em. Em có cảm tình với anh từ khi còn ngồi trong lớp học của anh, làm sao anh không biết? Ngày ấy em mới mười sáu mười bảy, em còn nhỏ, anh đâu dám làm gì? Bây giờ khác. Hoàn cảnh đã khác, em đã khác, em nay là một người đàn bà trưởng thành, em làm chủ thân phận mình, ai ngăn cấm anh yêu em, nếu anh muốn?

- Thôi anh đi thay đồ đi, mình đi ra ngoài ăn cơm. Chúng mình ăn mừng cuộc gặp gỡ này!
- Vậy anh và Nguyệt cho tôi năm phút!

Hoàng lấy chiếc quần tây và chiếc áo sơ mi ngăn tay đi vào buồng tắm. Anh thấy Minh Nguyệt đi một vòng thăm căn phòng của tôi. Hiện giờ tôi chỉ có một cái giường và một cái bàn ọp ẹp do chủ nhà cho mượn. Ngoài ra là cái valise quần áo mà tôi mang từ Merrick sang. Một năm đi làm công việc vất ở bên ấy, gia phả anh chỉ có thế, một chiếc valise quần áo và một đồng sách báo. Trên tường anh đã treo dăm ba posters con gái Mỹ ăn mặc hở hang phơi bày xác thịt. Gần hai năm anh không có bạn gái, anh chỉ làm bạn với những bức hình xé được trên những tờ Playboy. Cuộc đời anh đã trở thành

đơn giản như thế. Mai mốt, anh cần phải đi mua một cái ti vi cũ, không thể thiếu thứ đó được.

- Nước đá ở trong bình thủy, coca và bia ở dưới gầm giường, ly ở trên bàn, Anh Chánh, anh làm ơn lấy nước cho Nguyệt giùm tôi!
- Được rồi mà thầy! em không khát nước.
- Anh cứ đi thay đồ đi! Mình đi ra ngoài uống! Chánh nói

Hoàng khép cửa buồng tắm và cởi chiếc quần mặc nhà. Trời đã về chiều mà vẫn còn nóng. Đã bao nhiêu tháng anh ở San Francisco, anh chưa từng thấy nóng như vậy. Anh nghe nói ở đây quanh năm mát, không có mấy ngày nóng đến hơn 90 độ. Anh đã quên cái nóng của Saigon, không biết ở đây có nóng hơn không? Giá mà có cái quạt máy lớn lớn! Cái quạt nhỏ xíu anh mua tại Walgreens gần nhà chẳng thấm thía vào đâu! Ban nãy, ở nhà anh đang cởi trần thì nghe tiếng gọi cửa. May mà anh mặc ngay cái áo maillot vào chứ nếu không ở trần mà tiếp đón cô học trò cũ thì không tiện. Anh vừa trở về phòng thì Nguyệt tiến về phía anh hỏi:

- Thầy ở đây như vậy, bẽ núc làm sao?
- Tôi nấu nhờ bếp chủ nhà.
- Như vậy đâu có tiện Thầy?
- Làm sao được Nguyệt? Tiền nhà có trăm bạc, đòi gì nữa em? May mà một anh bạn tìm cho chỗ này chứ nếu không, biết ở đâu? ở khách sạn, rẻ nhất cũng mười lăm đồng một ngày!
- Cứ để từ từ rồi tính! Khi thầy Hoàng có việc tốt thì đi tìm chỗ khác! Thôi mình đi!
- Rất tiếc em không còn ở đây lâu nữa, chứ nếu không em có thể giúp thầy được!
- Ủa! em tính đi nơi khác sao?
- Nguyệt sửa soạn move đi L.A. đấy! Lý do Nguyệt sẽ lập gia đình!

Hoàng không biết Chánh và Nguyệt như thế nào với nhau, nhưng dường như hai người thân nhau lắm! Anh thấy Nguyệt coi Chánh như một ông anh trong nhà. Tò mò anh hỏi Chánh:

- Làm sao anh biết Minh Nguyệt vậy anh Chánh?
- Tình này nhỏ, dễ biết nhau lắm! Đâu có bao nhiêu người Việt đâu?
- Em gặp anh ấy trong một buổi sinh hoạt cộng đồng ấy mà!
- Thế à? Như thế không có anh tôi không làm sao gặp được Minh Nguyệt. Tôi không bao giờ đến "sinh hoạt cộng đồng"!
- Không sao! Anh đã gặp Nguyệt rồi. Những người khác, anh không cần gặp!
- Sao anh lại nói vậy anh Chánh? Người ta nghe được người ta buồn anh đó!

Anh thích Chánh ở cái tính nói thẳng, nghĩ sao nói vậy. Anh không ưa những ai hay lắt léo! Tình bạn lâu bền dựa trên tính cương trực. Cần nhất là phải có

sự tin tưởng ở nhau.

Ba người vào ăn một tiệm ăn Việt Nam nhỏ. Ở thành phố này chỉ có thế! Vào những năm đầu thập niên tám mươi, nơi nào có được tiệm ăn Việt và tiệm bán thực phẩm Á châu là quý lắm rồi. Cả bọn ngồi vào một bàn nhỏ. Nhìn quanh, tiệm ăn này trông không hơn gì mấy các tiệm ăn ở Saigon. Cũng sập sệ như vậy. Nhưng có còn hơn không! Chủ nhân, một người đàn bà còn trẻ đang đi vòng quanh lo tiếp khách. Hầu hết hơn chục cái bàn đã có người ngồi. Đông khách như thế này thì phát triển mấy hồi? Một hai năm nữa, tiệm này sẽ khác hẳn, không còn sập sệ như thế này.

- Anh chị uống gì em lấy!
 - Em uống gì Nguyệt? Cam tươi vắt soda nghe? Còn anh Hoàng?
- Chắc Chánh và Nguyệt thân nhau lắm, Anh biết cả tính em thích uống gì!
- Cho tôi chai Heineken và nước đá! Nóng quá chịu không nổi làm mình khát nước!
 - Hai chai Heineken và một ly nước cam tươi soda.

Người bán quán đi rồi, Chánh nhờ Nguyệt chọn món ăn. Anh nói:

- Mình cứ để Nguyệt chọn món ăn cho chắc. Em nấu ăn một cây đấy!
- Tôi biết.

Nguyệt nhìn Hoàng với đôi mắt mơ mộng. Em mỉm cười. Anh thương cái nụ cười ấy ơi là thương! Trông em ngây thơ lạ!

- Làm sao anh biết? Nguyệt đã cho anh ăn bao giờ đâu?
- Thế mà tôi biết mới hay chứ!

Chánh nhìn em với đôi mắt dò hỏi. Nhưng em không nói gì. Đó là bí mật giữa em và Hoàng! Chuyện ấy từ xưa, lâu lắm rồi, nói ra làm gì? Người đàn bà ra lấy những món gọi ăn. Nguyệt kêu cánh gà chiên bơ, bông cải sào thịt bò, canh chua tôm, và cá kho tộ. Nghe em nói những tên món ăn mà tôi chảy nước miếng. Đã bao lâu rồi anh không được ăn những thứ đó? Chắc ít ra cũng phải là sáu tháng!

Anh ngồi đối diện với Nguyệt nên tha hồ nhìn em. Trông em những nét chính vẫn thế, chỉ có vẻ già dặn hơn. Người vẫn thon thon, nhưng nảy nở hơn, tất nhiên, vì hồi đó em mới mười sáu, mười bảy.

- Em trông Thầy vẫn vậy. Chẳng thay đổi gì hết trơn à!
- Em nói vậy chứ, bây giờ thầy đâu được như xưa?
- Thiệt đó mà thầy.

Em nhìn anh, anh nhìn em, bốn con mắt gặp nhau. Em thấy thế, hơi bối rối nhìn đi chỗ khác nhưng em biết anh vẫn chăm chú nhìn em.

- Thầy Hoàng vẫn đẹp trai như xưa, phải không Nguyệt?
- Dạ, trông thầy ốm đi nhưng còn trẻ lắm!
- Không như anh phải không em?
- Anh Chánh cũng ngon lành lắm chứ thua gì ai, đúng không Nguyệt?

Tự nhiên em bị kéo vào cái câu chuyện tế nhị này. Em chẳng biết nói sao, chỉ “ạ”. Cơm đã đưa ra, em nói:

- Em order cánh gà cho anh Chánh. Anh ấy thích nhậu món này. Em mong thầy Hoàng cũng ăn được.

Nguyệt nhìn anh xem anh phản ứng thế nào. Em thật khôn ngoan. Em muốn biết xem ý anh ra sao, thích những thứ gì?

- Cánh gà chiên bơ là nhất rồi! Thầy cũng thích món này lắm!
- Vậy mời anh Chánh và thầy ăn cơm!

Hoàng hôm đó được ăn một bữa cơm ngon. Nguyệt nói đủ thứ chuyện từ Sadeo đến Saigon đến những gì xảy ra năm bảy mươi lăm, đến những cuộc ra đi, đến những khó khăn ngày đầu ở Mỹ. Em sang đây năm bảy mươi lăm với người mẹ, mẹ em đi làm cho city và đã lập lại gia đình với một người đàn ông Mỹ. Trước khi ra về, Chánh tính trả tiền nhưng Nguyệt đành trả vì em muốn mừng ngày được gặp lại anh. Ra khỏi tiệm, Hoàng nắm tay em cảm ơn, em có vẻ xúc động. Chánh đưa anh về nhà.

Một hôm chủ nhật, Nguyệt điện thoại cho anh nói đến đón anh đi chơi. Anh hỏi Chánh có đi không, em hỏi lại “Thầy muốn anh Chánh đi cùng hả?” anh vội nói không. Khi em đến đón anh em mang cho anh một ti vi nhỏ và một máy cassette để nghe nhạc. Em cũng cho anh một ít đồ dùng lật vặt như bát, đĩa, dao, niễ, muống, dưa, nôi cơm điện và cả gạo nữa. Anh cảm ơn em, em nói bốn phận của trò là phải lo cho thầy chứ và em cười. Em đưa anh đi Sausalito, qua cái cầu Golden Gate dài ơi là dài, chúng tôi đi chơi tại một cái mall có nhiều tượng rất đẹp. Khi ăn cơm trưa tại một nhà hàng bên bờ biển, em kể lại những chuyện xưa. Em nhớ lại thời gian em học anh, em yêu anh thầm lén và khổ sở vì mối tình một chiều. Anh nói anh là thầy giáo dạy em, đâu được phép yêu học trò, em nói em hiểu như thế nên không trách gì anh cả. Em cứ yêu và cứ khổ, trời bắt em thế, em phải chịu. Nghe em kể như vậy thấy mà thương em. Khi sang Mỹ em lấy một người chồng mà em gặp tại trại Pendleton, những sau khi vừa lấy nhau là hai người đã chia tay. Em không cho anh biết tại sao và anh cũng không hỏi.

- Thầy nghe em kể chuyện buồn, thầy có thương em không?
- Nếu Thầy làm được bất cứ gì cho em bớt buồn thì thầy sẽ làm còn chuyện em vừa kể thì thôi đó là quá khứ, thầy chỉ biết khuyên em hãy quên nó đi.

Chiều hôm đó, hai người đi ăn cơm tối ở một nhà hàng Nhật rồi em lái đến một tiệm rượu mua tặng anh một chai rượu trước khi đưa anh về nhà. Sau này Nguyệt còn đến chơi thăm anh một vài lần nữa. Em thường mang thức ăn đến cho anh ăn và ngồi nói chuyện với anh. Sau khi em đi lấy chồng nơi xa, anh không còn bao giờ gặp lại Nguyệt, em đã biến mất khỏi cuộc đời anh, em đã mãi mãi đi vào dĩ vãng. Cho đến giờ này anh cũng không biết em đang ở đâu, có hạnh phúc bên chồng hay không. Tất nhiên lòng anh vẫn

hướng về người học trò ngoan, hiền năm nào và anh cầu mong những gì tốt đẹp nhất đã đến với em và vẫn còn bên em cho tới bây giờ.

.....

Thời gian trôi đi anh rồi cũng quên câu chuyện đó, anh lấy việc học làm thú vui, việc chăm sóc cho các em học sinh Việt làm phương cách quên lãng. Và lại, anh có bao nhiêu học sinh ngoan, chúng thương mến anh, bao quanh anh, tạo cho anh những cảm giác của một mái ấm gia đình. Anh chỉ tiếc anh quá bận việc học nên không dành nhiều thời giờ hơn cho những đàn em, nhưng những ngày lễ anh cũng cố đi chơi với chúng, cuối tuần anh cũng gọi điện thoại hỏi thăm, đôi ba khi anh cũng cố đến dự lễ sinh nhật hay đến thăm cha mẹ các em.

Những tên gắn liền với cuộc đời anh vào những năm khốn cùng ấy, sau này anh vẫn nhớ mãi: Kim Anh đưa bé gái đi Mỹ cùng với đứa em trai để cha mẹ lại bên nhà, trông nó như một con búp bê; Hương Thơ, đứa học sinh ngoan nhất của anh, vẽ bản đồ các nước thật tài tình - cả một phần lớn bức tường trong lớp học của anh treo những bản đồ do em vẽ, trong đó có một bản đồ lớn của quê hương Việt Nam yêu dấu; Stanley Huỳnh, anh chàng học sinh lười ít nói nhưng rất dễ thương; Nguyệt người con gái sớm biết lo lắng giúp đỡ gia đình chăm sóc mẹ em, em đảm trách việc phối hợp sinh hoạt của lớp và tổ chức những cuộc đi chơi; Thành người học sinh cứng của thầy, em nhiều tình cảm và đã điều hành hội học sinh Việt Nam của trường trong một năm; Đức, anh chàng đến từ đảo Phú Quý cùng với một số em khác, trong đó có Thành; Trương Tiến Hy, anh chàng học sinh cao nhất trong nhóm hay cười, Trương Minh, Giang Minh, Trương Hào ba học sinh Việt gốc Hoa dễ thương nhưng ít nói, Lộc anh chàng thiếu niên sớm vào đời, để rồi gặp rắc rối; Loan cô bé học sinh gốc Hoa xinh xắn và dịu hiền và anh nó, Nghiã, một anh chàng đẹp trai trầm lặng có nụ cười quyến rũ; Kiệt mà anh đặt cho danh hiệu là "Bác sĩ" vì anh có cái tướng của một nhà thông thái nhưng pha trò rất giỏi, các chị em Hồng Ngọc và Hằng, Sandy và Hương, Lisa và Nancy, và bao nhiêu đứa học sinh nữa mà thời gian đã làm cho anh quên tên...

Chẳng những những học sinh Việt thương anh mà học sinh Mỹ cũng mến anh. Đến ngày Giáng Sinh, anh nhận được quà cáp của chúng, và rất đặc biệt là một học sinh dấu diếm mang cho anh một chai rượu dân tộc Mỹ Tây Cơ. Sau những học sinh Việt, anh rất thương học sinh người Mỹ vì nhiều đứa rất tình cảm biết mang ơn thầy.

Thế rồi năm tháng cứ trôi qua, nhìn đi nhìn lại anh đã sống hai năm tại San Francisco, anh đã học được ba lục cá nguyệt tại trường State. Những lớp căn

bản của chương trình cử nhân mà anh bị bắt phải học vì chúng là những môn học buộc phải có trước khi đi vào học chương trình MBA (prerequisites), anh đã học xong, anh rất hài lòng vì điểm trung bình của anh khá cao trên 3.60: đối với một người chân ướt chân ráo đến tị nạn nước Mỹ vào cái tuổi đã quá trẻ để đi học, anh thấy thế là đã thành công, là đáng mừng. Anh nhớ lúc mới đến San Francisco, Trương bảo anh phải đi học một vài lớp Anh Văn ở City College để tập nói, tập viết. Lúc đó anh thấy Trương coi thường anh quá, nhưng không nói gì vì sợ mất lòng người đã giúp anh, kiếm việc cho anh. Trong bụng anh nghĩ, "City College là để cho những ai chưa học đại học bao giờ. Anh đã từng là giáo sư dạy đại học, nay có mang mặt mo cũng không đến học nơi ấy được." Khi anh được nhận vào học thẳng chương trình MBA, anh ghi các bà con bạn bè cũng nể anh hơn. Bởi vì nói cho ngay, có chí đi học đã là đáng khen, được nhận vào học tất phải là đáng phục. Đâu phải ai muốn học thì vào học? Phải thi GMAT và điểm phải hơn những người khác cùng xin vào mới được nhận. Nếu anh tuổi trên hai mươi, đã từng học ở Mỹ thì không nói làm gì. Chẳng này anh chưa hề đi học một lớp tiếng Anh nào bên Mỹ, ở Saigon anh cũng chẳng bao giờ đến Hội Việt Mỹ, thì tất nhiên đâu có dễ? Chính vì thế mà anh càng tự hào và tự tin.

Việc anh vào học chương trình MBA cũng làm cho những đồng nghiệp người bà xứ của anh tại Trung Học Mission kính trọng anh gấp bội. Những tay có Ph.D như Dr. Miller dạy sử và địa lý coi anh như là một giáo sư ngang hàng và thường đến lớp anh nói chuyện với anh để tỏ sự thân thiện. Nhiều giáo sư kết bạn với anh và mời anh đi ăn uống hoặc đến nhà chơi. Hiệu Trưởng Ramirez tặng anh nhiều bằng tưởng lệ vì công lao của anh đối với trường. Khi đánh giá việc dạy học của anh, ông đã ghi "Outstanding Performance" và khen anh về cả khả năng chuyên môn lẫn lương tâm nghề nghiệp. Đó là những phần thưởng tinh thần quý giá mà anh gặt hái được. Hơn nữa trong vòng hai năm, anh đã lấy được hai giấy phép của tiểu bang California để dạy các môn Khoa Học Xã Hội (Social Sciences) và Pháp Văn. Mặc dù không bị bó buộc, anh đã thi chơi thử tài kỳ thi CBEST, một kỳ thi nổi tiếng là khó đậu liền, và anh đã đậu ngay tức khắc.

Cuộc đời Hoàng dần dần đã trở nên ổn định hơn. Sống trong gia đình ông bà Đoàn lâu, anh đã trở nên gần gũi hơn với hai đứa bé trong nhà. Anh nhớ ngày anh mới đến đó ở, Hoàn, đứa con gái anh chị Đoàn làm hội trưởng hội học sinh Việt ở trường trung học Washington; em đã đứng ra tổ chức một cuộc du ngoạn cho các hội viên bạn của em trong trường. Em đã đi thuê một xe buýt nhỏ hơn hai chục ghế ngồi để làm phương tiện chuyên chở nhưng không tìm được ai lái. Em nhờ anh và anh đã bằng lòng làm tài xế. Nhưng chiếc xe đó, không biết có phải tại tiền mượn rẻ hay không, rất cũ kỹ và bộ ống nhún bị hư sao đó, cứ mỗi lần queo, thì cả chiếc xe nghiêng sang một bên như thể nó muốn lật. Chưa bao giờ anh lại cảm thấy hãi hùng đến như thế. Đã vậy, các em lại tổ chức đi đến một cái hồ nước (lake) lớn ở một vùng

núi non hiểm trở, phải lái lên đèo xuống đèo. Ôi! thật là một cuộc du ngoạn nhớ đời đời. Đến khi đưa được các em trở về đến San Francisco yên bình, anh đem trả chiếc xe xong yên ổn anh mới thở phào, hứ vớ!

Cu Luân, đứa bé tứ hai, cũng hay rủ anh chơi banh hay đi xe đạp xung quanh nhà. Đôi khi nó đem bài ra hỏi anh, nhờ anh chỉ bảo. Chơi với cu Luân anh nhớ đến các con anh vẫn đang còn kẹt lại bên nhà vì Luân cùng tuổi với đứa con trai thứ hai của anh. Ông bà Đoàn cũng thông cảm tình trạng xa gia đình của anh và đôi dịp mời anh ăn cơm chung với cả nhà. Chị Đoàn thỉnh thoảng khi nấu chè hay làm bánh thì cũng chia một ít cho anh. Cái quý hoá là ở tấm lòng chứ vật chất không đáng gì. Sự ân cần của gia đình nơi mình ở trợ mang lại cho anh sự ấm lòng. Anh cảm thấy may mắn đã gặp được sự giúp đỡ của những người tốt, trong hoàn cảnh chung của những kẻ ly hương, biết thông cảm và nâng đỡ nhau. Anh cũng thân thiết với nhóm thanh niên sống ở dưới nhà hơn. Đôi khi chúng rủ anh đi Reno chơi hay đi ăn uống vào cuối tuần và mặc dù anh rất bận, anh cũng đi, lâu lâu chúng tổ chức nấu nướng ăn nhậu và kêu anh tham dự, anh cũng xuống. Khi đó cũng lẩu lươn, cá nướng, bia hộp, ăn uống cho có tí vui, cho quên đi cuộc đời nhọc nhằn.

Đối với các bạn đồng nghiệp người Việt, mỗi liên lạc cũng thăm thẳm. Những ngày đó, anh chị em thỉnh thoảng tụ họp tại nhà Trương ăn uống gặp gỡ nhau. Chị Trương hay đứng ra tổ chức potluck, mỗi người đến chơi mang đến một món ăn, để chung vào với nhau trở thành một bữa tiệc lớn. Lúc đầu anh còn nhà quê, chẳng hiểu potluck là gì. Sau này khi đã hiểu thì anh cũng chẳng có gì để mang đến, nên đến ăn thì cũng đến nhưng anh thấy ngại ngùng làm sao. Từ từ anh quen biết được hết mọi người trong nhóm, những người nhiều tuổi cỡ anh hay hơn, ngoài Trương gồm có các anh Lân, Chí, San, Tân, Khiêm, Chung, Tâm; nhỏ hơn có khoảng năm bảy cho đến một chục tuổi có Hiền, Liên, Cần, Thế, Toàn. Đặc biệt trong nhóm đực rựa có chen vào một em gái tên Liên. Em là nụ hoa nở trong vườn cho các anh trêu chọc. Em đi du học Mỹ từ những năm 60 và ở lại; em lấy chồng Mỹ nhưng lại nhớ mắt tâm nên thường lui tới chơi với các anh. Trông em không mặn mà cho lắm nhưng em rất đa tình. Và lại, gia đình em đang trục trặc sao đó nên em cũng buồn, thích đến chơi với các anh để giải sầu. Thấy Hoàng sống độc thân, xa vợ, thiếu tình cảm, em đôi khi lại gần ngồi nói chuyện; anh em bông đùa gán em cho anh. Thấy em bạo dạn, anh cũng tán tỉnh chơi cho vui, những lúc đó anh đã uống vài ly Martell, anh đã say say, đâu còn tỉnh để tự kiểm soát lấy mình? Anh đã thả hồn theo mây khói, để cho cuộc đời thêm chút ý nghĩa, anh cũng đã đùa rờn với em đôi chút, thể thôi. Cuộc đời cần chút kỷ niệm đáng nhớ, anh vẫn còn nhớ những lần gặp gỡ vui vẻ đó, nhưng em thì có còn nhớ hay không?

Trương là một người bạn tốt, trong số những người anh ít gặp trong đời. Trương rất cương trực, ăn nói thẳng thừng, coi tình bạn trên hết. Anh tranh đấu quyền lợi cho các anh em, lo cho anh em có công ăn việc làm chắc chắn, cuộc sống vật chất bảo đảm. Anh đã từng kéo các anh em đang không có việc làm từ nơi xa về San Francisco để dạy các học sinh Việt trong học khu. Các gia đình bạn mới đến, anh đã mở rộng cửa tiếp đón tại ngay nhà mình, để cho những người đó sống những ngày khó khăn dưới sự bảo trợ của anh. Đối với Hoàng, đây là một nghĩa cử đẹp, nhưng cá nhân anh, anh không thích được hưởng sự giúp đỡ tương tự. Từ trong thâm tâm, anh không muốn lợi dụng lòng tốt của người khác. Theo anh, chỉ có tình bạn khi có qua có lại mà không lợi dụng, không tham lam. Vì thế, anh và Trương kết bạn để quý mến nhau, trải qua với nhau những giây phút thân tình. Trương cũng như anh thích uống rượu, nhưng có tật uống quá, cho đến khi say mềm, đôi khi đến bất tỉnh. Không phải Hoàng không bao giờ uống cho đến khi say mềm, bất tỉnh. Những ngày anh đạp xích lô ở Saigon, những ngày đau buồn đó, có chiều tối nào anh không say mềm? Đã có lần anh nôn ra mật xanh mật đỏ, nằm bất tỉnh hai ngày như chết. Nhưng anh đã có lý do để mà hành động vô ý thức như thế.

.....

Năm tháng trôi đi, anh đã học xong phần căn bản, học xong những lớp series từ 750 đến 800 trước khi đến những lớp cao hơn series 800. Khi chuyển qua phần Master của chương trình MBA, anh phải chọn ngành. Trong số những ngành trường có hồi đó: kinh doanh quốc tế (international business), quản trị (management); tài chính (finance); kế toán (accounting) và tin học và điện toán (Information and Computer systems), anh đã chọn ngành quản lý điện toán. Anh đã nghĩ rằng điện toán là một ngành mới, do đó sau khi tốt nghiệp, anh sẽ dễ kiếm được việc hơn. Và lại, anh đã nghe đến việc sử dụng những máy điện toán từ những năm cuối của thập niên 60 tại Saigon và chưa bao giờ có dịp được biết chúng ra sao, sử dụng thế nào. Nay anh sang được Mỹ, anh muốn xử dụng computer, nên anh chọn cái ngành tương đối còn mới mẻ đó.

Mà mới mẻ thật, vì lúc đi thực tập chỉ có những công ty lớn mới bắt đầu chuyển qua dùng máy điện toán để chứa những hồ sơ tin tức thay cho hồ sơ giấy. Máy điện toán còn là những máy IBM hay clones chưa có hard drive, mỗi lần mở máy phải cho chiếc 5 1/2 in floppy disk chứa DOS vào rồi mở cho máy chạy và tất cả những chỉ huy đều phải qua bàn khoá. Lâu lắm sau khi anh đã ra trường thì mới dùng đến con chuột để bấm những hình nhỏ chứa chỉ huy. Những ngày sinh viên nghèo đói đó, đi đâu anh cũng mang theo một hộp chứa chừng chục floppy disk mà anh đã chép lại của người khác vì anh đâu có tiền để mua bản chính? Anh đã sống thời mà những chương trình dùng để đánh chữ là Wordstar và chương trình để viết spreadsheet là Lotus

1-2-3. Anh đã là một trong những người Việt tị nạn đi tiên phong vào cái ngành học tân tiến đó.

Quả nhiên những người Việt tị nạn đã có đầu óc tiên thủ và họ đã hiểu rằng chỉ có bằng cách đi học computer thì họ mới dễ kiếm sống. Chẳng thế mà đã có phong trào trong giới tị nạn đi học programming và học điều hành những máy điện toán lớn gọi là mainframe. Như thế ngay trong nhà, anh đã thấy chị Đoàn và Xuân đi đến Computer Learning Center, một trường huấn nghiệp tư, để học viết chương trình bằng Assembly language. Sau này Xuân đã đi làm operator ca đêm - để ngày đi học Master in Computer Science - còn chị Đoàn thì học xong không đi theo chuyên ngành điện toán mà vẫn tiếp tục làm kế toán. Nhưng dù sao kiến thức về điện toán của chị cũng giúp chị sau này nhanh chóng chuyển sang dùng máy điện toán để làm kế toán.

Khi thực tập, anh cũng như bao nhiêu sinh viên khác của trường State phải xếp hàng dài chờ đến phiên mình vào xử dụng máy của nhà trường. Những ngày đó cả trường chỉ có được một computer lab nằm ở tầng cuối cùng của toà nhà hành chánh. Một thời gian sau sinh viên muốn vào lab chỉ phải ghi tên đợi đến lượt mình thì đến lab không còn phải đứng chờ ở cửa nữa. Computer lab mở cửa đến 12 giờ đêm. Vào những giờ khuya khuất, không còn nhiều sinh viên chờ đợi, dễ được đến phiên mình, nên hầu như đêm nào Hoàng cũng ở đó cho đến khi phòng thí nghiệm đóng cửa. Nhưng chỉ một năm sau thì nhà trường mở thêm hai ba Computer labs nữa, một tại Science building, một tại trường anh, và sau đó một trong Art building. Từ đó anh có thể xử dụng máy ngay trong trường anh để thực tập.

Anh nhớ lại lớp điện toán đầu tiên anh học là một lớp dạy viết chương trình bằng Basic do giáo sư Nickerson dạy. Giáo sư Nickerson hồi ấy là một trong những giáo sư chuyên ngành Business tiên phong đi vào lãnh vực điện toán. Nghĩ lại anh thấy lúc ấy ông cũng chưa có kiến thức thâm sâu về viết chương trình nên khi học Basic với ông, sinh viên phải tự học nhiều hơn, ông chỉ đóng vai trò hướng dẫn. Những ngày đầu bước chân vào thế giới điện toán Hoàng thấy chơi với, khổ sở vì chỉ một cái chấm cái phết cũng làm cho chương trình ì ra không chịu chạy. Cũng may mà tính anh tỉ mỉ, hay để ý đến những chi tiết - khi còn ở bên nhà, anh chẳng học tư pháp và nghiên cứu những bản án lệ hay sao? - nên từ từ anh hiểu những nguyên tắc căn bản của việc viết chương trình điện toán và mọi chuyện trở nên dễ dàng hơn nhiều. Sau Basic, anh học viết chương trình bằng Dbase, Cobol, Pascal rồi đến những lớp học tổ chức database, quản lý database, nghiên cứu và vẽ hệ thống điện toán. Vì anh thích computer nên anh hằng say đọc sách và nghiên cứu. Vào cái thời gian khai sinh đó, những giáo sư cũng còn đang nghiên cứu cùng với sinh viên cái môn học mới mẻ này nên sinh viên không thể trông chờ ở sự dạy dỗ của thầy được. Họ phải tự học nhiều hơn. Một điều

anh còn nhớ là hồi đó phần lớn sinh viên học điện toán là nam giới chỉ lác đác một hai em gái.

.....

Những thay đổi về cuộc sống nay anh đã quen và thấy bớt vất vả nên Hoàng sống thoải mái hơn và anh có nhiều hy vọng hơn ở tương lai. Anh đã bớt thấy cô đơn và bắt đầu thấy cuộc đời có ý nghĩa. Anh đã có thêm nhiều bạn bè và có nhiều chuyện vui đến với anh, tô điểm cho cuộc sống của anh. Một hôm chiều thứ sáu, Hoàng đi vào tiệm sách của nhà trường để tìm mua một cuốn sách cho lớp học buổi tối thứ hai. Bây giờ ngồi viết lại tập hồi ký này, anh không còn nhớ rõ đó là cuốn sách nào, nhưng anh chỉ biết lúc đó vào buổi chiều đã gần tới giờ tiệm đóng cửa mà trời thì mưa cuối thu, không to nhưng sục sùi. Anh gặp Thanh Thủy cũng đi tìm sách. Em không học tại trường State nhưng đến tiệm sách này vì nơi em học không còn sách đó nữa. Anh thấy em cứ đi lòng vòng tìm kiếm, khi thấy anh em hỏi thăm bằng tiếng Anh:

- Tôi mới đến đây lần đầu nên không rành! Anh có biết sách Business ở khu nào không?
- Em không học ở đây ư?
- Không, tôi học ở USF (Đại Học Công Giáo San Francisco University) nhưng anh giúp được tôi không?
- Tất nhiên là được. Tôi cũng học Business mà.
- Vậy sao?
- Em tìm sách loại nào? Accounting? Finance? B.I.S? Management?
- Management.

Anh đưa em đến chỗ trưng bày sách loại em cần. Anh hỏi em tên cuốn sách và kiểm tra cùng với em nhưng hai đứa cũng không thấy có. Anh nói:

- Hình như anh có cuốn đó ở nhà. Anh cũng học cuốn ấy hai ba semester trước. Em học MBA phải không?
- Vâng, sao anh biết? Anh hay quá đi!
- Có gì đâu mà hay? Anh cũng học chương trình đó, có thể thôi!
- Anh để lại cho em cuốn sách nghe?
- Ừ, nếu anh tìm ra nó. Em theo anh về nhà, anh ở cách đây chục blocs, không xa lắm.
- Vâng, được.

Mới gặp em, Anh không biết em là người Việt, nhưng anh ngỡ ngỡ khi nghe giọng em nói tiếng Anh. Người Việt có giọng nói đặc biệt, không giống những người Á châu khác. Anh hỏi:

- Xin lỗi, em có phải là người Việt không vậy?
- Thưa phải, sao anh biết hay quá vậy?

- Nghe giọng em anh đoán chừng đó thôi! Mình nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt nghe?
- Cũng được.

Từ lúc ấy trở đi hai đứa dùng tiếng mẹ đẻ, không còn nói tiếng Anh nữa. Em cho anh biết em tên Thanh Thủy, em sang Mỹ từ năm bảy mươi lăm cùng với cha mẹ anh em. Ở Saigon em đi dạy Anh Văn sau khi em tốt nghiệp cử nhân ở Đại Học Văn Khoa. Hiện nay ban ngày em làm cho Bank of America ở trung tâm thành phố và tối em đi học ở USF. Thanh Thủy lái xe và hai đứa chưa đầy năm phút đã về đến nhà. Anh mời vào nhà và lấy cho em tách trà nóng vì trời đang mưa và khá lạnh. Anh vô phòng tìm cuốn sách và cũng phải mất đến năm phút mới kiếm được. Anh trở ra đưa cho em, em vui mừng ra mặt.

- May qua nhờ gặp anh mà em có được cuốn sách em đang cần. Từ hai tuần em đi tìm khắp nơi mà không kiếm ra. Không có sách làm sao làm bài?
- Anh cũng nhờ cuốn sách mà quen được em. Anh đang buồn vì chẳng quen biết ai ở đây. Bạn trong lớp chẳng có ai là người Việt cả.
- Thế anh ở San Francisco được bao lâu rồi?
- Mới hơn một năm. Anh trước ở New York.
- New York? Anh ở đó bao lâu vậy?
- Có hơn một năm thôi. Anh đến Mỹ cuối năm tám mươi mốt.
- Vậy mà anh học liền MBA sao?
- Anh cũng liều mạng ấy mà. Lúc đầu cũng gặp khó khăn nhưng nay đã quen rồi.
- Anh hay quá đi! Vậy anh tutor em nghe!
- Anh đâu tài giỏi gì mà tutor Thủy?
- Được mà. Anh giúp em thì em cảm ơn anh.
- Cảm ơn suông ấy à?
- Chứ anh muốn gì?
- Anh đâu biết anh muốn gì? Em có gì đền bù cho anh nào?
- Thì chúng mình là bạn, anh không chịu sao?
- Cũng được, làm bạn với em là quý lắm rồi!

Thủy mở ví lấy năm chục đưa cho anh.

- Anh cho em gửi anh tiền cuốn sách.
- Tiền này để mình đi ăn mừng hai đứa mình quen nhau tối nay, em chịu không?
- Ồ không được đâu! Em chưa nói với má. Em phải về ăn cơm không má chờ!
- Thì em kêu điện thoại về xin phép đi, điện thoại ở đằng kia kìa!

Anh chỉ em nơi để điện thoại. Em lưỡng lự một lúc rồi đứng lên. Anh nghe em kêu về nhà nói xin phép má đi chơi như thể em còn bé bỏng, tuổi mới

mười lăm mười sáu. Anh nghĩ thầm em là con gái nhà lành, đi chơi với em cũng khó và lắm trách nhiệm. Anh đoán em chưa yêu ai bao giờ, em chưa biết mùi của tình yêu, họa chăng có biết đến yêu đương trong sách vở và qua xi nê mà thôi. Nói chuyện với mẹ xong, em tươi cười đi về chỗ ngồi và nói:

- Xong rồi. Má cho em đi chơi. Mình đi chưa anh?
- Em cho anh năm phút nghe? Em vặn tivi lên coi đi!

Anh đi vào phòng thay quần áo cho nó lịch sự. Đi với em út mà ăn mặc xấu xí chính anh cũng mắc cỡ chứ đừng nói gì đến em. Hai đứa đi ra cửa mới hay trời đã bắt đầu mưa nặng hạt, chỉ có một chiếc ô, hai đứa đã phải chúi đầu vào nhau mà đi. Anh có cảm giác như hai người đã quen biết nhau từ lâu rồi chứ không phải mới gặp nhau chiều nay. Anh ôm vai em cho dễ đi và hai đứa cười lên tiếng.

- Thật là vui anh há? Đi chơi với nhau lần đầu mà trời mưa như vậy, thật là một kỷ niệm thích thú!
- Hình ảnh hai đứa mình đi chung một ô chắc buồn cười lắm hả Thủy?
- Thơ mộng ấy chứ anh!
- Ừ! Thơ mộng thật. Người ngoài nhìn, tưởng hai đứa mình yêu nhau!
- Hứ! Anh nói gì kỳ vậy?
- Sao lại kỳ? Mình không thương nhau thì thôi chứ có sao đâu?

Hai đứa đến The Old Clam House, một nhà hàng bán đồ ăn Ý ở đường Bayshore. Nhờ hôm nay trời mưa nên chúng tôi không phải đứng chờ bên ngoài. Trong tiệm, phong cảnh rất ấm cúng, đèn đỏ để sáng lờ mờ, mỗi bàn có một ngọn đèn nhỏ, ghế đệm êm ngồi rất thoải mái. Anh để nghị với Thanh Thủy hai đứa ngồi bên nhau cho ấm, em chịu liền. Nhìn em tùm tùm cười tươi, anh thấy em xinh ơi là xinh. Thấy anh ngồi ngắm em, Thủy hơi bẽn lẽn nhưng anh biết em đang sung sướng vì có anh chiêm ngưỡng, em đang thấy hạnh phúc đến với em trong cuộc đời. Em chớp chớp làn mi cong, vờ nhìn xung quanh để tránh ánh mắt của anh. Em có một nét duyên dáng tự nhiên, cái vẻ thùy mị của người con gái Việt, mặc dù em đã sống bên Mỹ khá lâu. Em không phấn son nên giữ được cái vẻ tự nhiên rất dễ thương. Hơn nữa em ăn nói rất nhỏ nhẹ, không mạnh dạn như một số thiếu nữ thời bây giờ.

- Thủy thấy chỗ này được không?
- Đẹp lắm chứ anh.

Khi chọn món ăn, anh ngồi sát bên em và hai đứa xem chung một thực đơn, em ở Mỹ lâu nên rành những món ăn hơn anh, anh để tùy em lựa món ăn nào ngon. Hai đứa ăn tôm cua cá mực sò ngêu, thật là vui vì phải dùng tay vật lộn với vỏ sò vỏ cua, Thủy cười đùa bằng thích, anh cũng phá em cho thêm vui, nói chung bữa ăn thật thú vị, đánh dấu cuộc gặp gỡ do duyên số của hai đứa. Ăn xong ra về trời vẫn còn mưa lớn, gió thổi lồng lộng, hai đứa

đi sát bên nhau, anh quàng tay ôm eo em, em cũng chẳng nói gì, anh biết em đã có cảm tình với anh. Em đưa anh về, anh thấy lòng mình lâng lâng một nỗi vui vì có em làm ấm lòng và quên đi phần nào nỗi cô đơn. Trước khi xuống xe hai đưa cho nhau số điện thoại để liên lạc, và em hẹn sẽ đến đón anh đi chơi vào cuối tuần tới.

Nhưng rồi em không đến. Anh gọi điện thoại cho em thì có message nói rằng số đó đã bị disconnected. Anh chẳng hiểu tại sao. Anh buồn bơ vơ cả tuần, cứ ngong ngóng xem em có gọi lại hay không nhưng không thấy em gọi lại. Anh tự an ủi, "Thôi thế cũng tốt, dính vào chuyện tình cảm lại thêm suy nghĩ lung tung. Lúc này mình phải chú tâm vào việc học cho xong, vợ vẫn lại thêm chuyện." Tuy tự nói thế nhưng anh vẫn thấy khó chịu sao ấy trong lòng. Anh không hiểu tại sao bỗng nhiên Thanh Thủy lại cắt đứt liên lạc với anh. Anh đâu có làm điều gì sai trái? Thật là chuyện lạ lùng! Nhiều lần anh đến Bank of America ở trên đường Market, ngay ngã tư Vanness vào giờ tan sở với hy vọng thấy em đi làm ra, nhưng số anh không may, anh không một lần gặp lại em. Rồi với thời gian và sự quá bận bịu việc học, anh đã quên em đi, quên đi cái bất ngờ đã đến với anh chỉ có một lần.

.....

Một chuyện bất ngờ nữa xảy ra vào năm 1984. Người chủ nhà nơi anh đang ở trọ làm ăn không được may mắn nên đã khánh tận, căn nhà bị ngân hàng tịch thu để bán lại. Như thế là cả bọn phải đi nơi khác. Công việc tìm nhà khác để dọn đi, xem nhà đã do anh chị Đoàn lo và quyết định. Chỉ ba tuần sau thì anh chị đã thuê được một căn nhà ba tầng ở khu Richmond. Cũng như tại căn nhà cũ, Kiệt, Loan và Xuân chiếm từng chệt. Vinh đã dọn ra, hẳn đã kiếm được một người bạn học để ở chung phòng. Hẳn ra đi luôn, không bao giờ Hoàng còn thấy lại vì hẳn không còn trở về thăm bạn bè cũ nữa. Vinh là một con người bí hiểm, lầm lì, làm gì ít nói cho ai nghe. Vì thế mà hẳn đã gây một ấn tượng lạ trong đầu anh, một trong những hình ảnh khó quên mà anh cứ chất chứa trong tâm khảm. Và như khi còn ở căn nhà trước Hoàng lại chiếm căn phòng phía trước nơi lầu hai có cửa sổ nhìn xuống đường. Tại căn nhà mới này, chỉ mình anh có phòng ở lầu đó, gia đình anh chị Đoàn chiếm cả ba phòng trên lầu ba.

Chị Đoàn nay có chút cảm tình với anh, chị thương anh phải vừa đi làm vừa đi học nên đề nghị luôn thể nấu cơm cho anh ăn. Như vậy, thật đúng với nghĩa ở trọ. Cảm tình của chị Đoàn dành cho anh thật đáng quý và mặc dù anh đã quen với lối sống tự lập, anh vẫn thích được chị coi anh như một người trong nhà. Nhưng chính tình cảm chị dành cho anh đã gây ra sự hiểu lầm nơi chồng chị. Dường như anh Đoàn không thích vợ mình lo cho một người đàn ông khác và từ khi dọn về nhà mới anh hay gây với vợ, nhiều khi chỉ vì những chuyện nhỏ không đáng kể. Hoàng ý thức chuyện đó và sau vài

tháng, anh quyết định dọn ra, không ở nơi đó nữa. Sau khi anh đi khỏi thì anh nghe Xuân dọn lên ở nơi phòng anh. Vì có chuyện buồn xảy ra, anh đã không trở về thăm gia đình anh chị Đoàn nữa.

Hoàng trở về khu nhà nơi anh ở trước và anh đến thăm hai vợ chồng Bob và Guthrie Bernoit, là người hàng xóm ở ngay bên cạnh căn nhà anh đã ở trước kia. Anh đã hỏi xem họ có thể giúp anh, cho anh ở dưới nhà được không. Thời gian anh ở căn nhà kế đó, anh thường sang chơi bên này, và cả Bob lẫn Guthrie đều rất mến anh vì biết anh đã phải bắt đắ dĩ đi sang Mỹ sống để tránh nạn Cộng Sản. Ở Việt nam anh đã là giảng viên đại học, nhưng sang đây với hai bàn tay trắng và chút kiến thức trong đầu, anh đã phải đấu tranh gây lại cuộc đời từ con số không.

Bob là một kỹ sư nguyên tử lực. Ông đã làm hai mươi năm cho một cơ quan nghiên cứu nhà máy điện nguyên tử. Ông đã có vợ trước là người Mỹ làm giáo sư đại học và có hai đứa con với người ấy. Cách đây sáu năm hai người đã ly dị, và Bob đã bị khủng hoảng tinh thần và xin về hưu non, khi ấy ông mới năm mươi tuổi. Ông đã phải chia tài sản cho người vợ, nhưng anh không hiểu ông đã giàn xếp thế nào mà ông vẫn còn giữ được căn nhà và chiếc xe hơi cũ. Sau khi ly dị ông đã tính làm ăn ở nhà, ông tính làm cố vấn cho các công ty chuyên dựng những kế hoạch phát triển năng lượng, nên ông đã cho sửa phần dưới nhà thành một văn phòng làm việc rất rộng và đẹp, nơi ông tính vui đầu vào công việc nghiên cứu cho quên buồn. Nhưng chỉ một thời gian ngắn thì ông thấy sống một mình quá cô đơn và vất vả. Ông vẫn còn tiền, vẫn còn danh vọng, ông chỉ thiếu bóng một người đàn bà. Thế rồi ông nghĩ ngày nghĩ đêm xem làm sao để có thể tìm cho được một người đàn bà chỉ là một nàng hầu, lo săn sóc cho ông như thể ông là ông chủ, không có quyền đòi hỏi, lúc nào ông với đến thì ông với. Ông bèn tính đi sang Tàu kiếm một người đàn bà Trung Hoa về làm vợ, như thế dễ sai dễ bảo, người ấy sẽ lệ thuộc vào ông, và vì là người Á châu nên sẽ hầu hạ ông mà không kêu ca. Nhưng rồi ông lại nghĩ ông muốn người ấy phải hiểu biết khá, phải có văn hóa khá để ở nhà, ông có thể tâm tình, ông có thể nói chuyện, bàn bạc và khi đi ra ngoài, khi có họ hàng hay bạn bè, ông không mắc cỡ. Thế mới rắc rối, khó khăn cho cuộc đời! Ông lại suy nghĩ nữa, nghĩ mãi không sao tìm được giải pháp nào tốt cho trường hợp của ông.

Thế rồi bỗng một hôm ông đọc báo, tình cờ ông đọc được một chỗ quảng cáo đàn bà con gái ở Âu Châu muốn kiếm chồng bên Mỹ. Trong số đó, đặc biệt có những cô gái xinh đẹp, có học thức cao, nói được tiếng Anh trôi chảy, hiểu biết các nền văn hóa Âu châu và Mỹ châu, nhưng lại tật nguyện. Họ muốn sang Mỹ để được hưởng những phương tiện tân kỳ giúp họ sinh hoạt dễ dàng hơn trong cuộc sống hàng ngày. Mắt ông sáng lên, ông ngồi nghiên cứu từng trường hợp một, nghiên cứu là nghề của ông nên ông phân tích rất chi tiết. Ông nghiên cứu cả chục trường hợp khác nhau và ông thấy kiếm

được một người vừa ý không phải là dễ, vì có người được vẻ này thì không được vẻ khác.

Sau cùng, ông tìm được một người mà ông thấy tạm đáp ứng những đòi hỏi của ông. Đó là một người con gái Thụy Điển, ba mươi chín tuổi, xinh đẹp tốt nghiệp đại học về dương cầm, nói được cả tiếng Anh lẫn tiếng Pháp, nhưng mù cả hai mắt từ nhỏ. Ông nghĩ mua một đàn dương cầm cho nàng thì ông mua được, nói được tiếng Pháp thì càng tốt, vì ông cũng có chút máu Pháp, vài người cô bác của ông nói được tiếng Pháp, mù thì không đến nỗi nào, lại tốt là đấng khác vì nàng sẽ không đeo đuổi người khác trẻ đẹp hơn ông. Ngược lại, ít ai bình thường lại muốn lấy một người mù, do đó ông ít sợ bị vợ bỏ một lần nữa.

Ngày anh biết Bob và Guthrie thì hai người đã lấy nhau được năm năm. Hai vợ chồng không có vẻ gì là không có hạnh phúc, nhưng Guthrie cũng không tỏ vẻ vui cho lắm. Đôi khi anh thấy bà ấy cười như gượng gạo, không phải tử thâm tâm. Ngày anh còn ở nhà bên cạnh, đôi khi anh sang bên cửa nhà bà ngồi nói chuyện này kia, và khi Bob không có nhà, hai người dùng tiếng Pháp vì bà nói bà thích nói tiếng Pháp hơn tiếng Anh. Có lẽ vì anh nói được tiếng Pháp nên bà coi anh là người có thể tâm tình và bà tỏ vẻ mến anh hơn. Những lần Hoàng ngồi trước cửa nhà mình nghe những bài hát trữ tình Pháp phát ra từ chiếc cassette của anh, anh thấy bà đứng ở cửa sổ nhìn ra đường nhưng kỳ thực là để cùng nghe với anh. Sau này chính bà nói bà thích những sáng sớm chủ nhật vì anh cứ ra cửa ngồi hàng giờ với cái radio-cassette nghe những băng nhạc Pháp. Bà rất thính tai, chỉ một tiếng động khẽ là bà đã biết và hỏi liền. Anh vừa nhẹ nhàng bước lên thềm cửa nhà bà, là bà ở bên trong đã hỏi ra "Có phải mày đó không Hoàng?", "mày tao" trong tiếng Pháp là những tiếng thân thiện để nói với nhau, bà hơn anh bốn tuổi nhưng hai người coi nhau như là bạn, mặc dù anh coi Bob như người anh lớn vì ông hơn anh đến mười mấy tuổi.

Có lần bà hỏi anh mặt mũi người ngợm anh ra sao, anh chẳng biết nói sao, anh bảo anh là người Á châu nên mũi tẹt, tóc đen, anh cao một thước bảy, nặng bảy mươi ký. Bà bèn lại bên anh lấy hai tay sờ đầu, tóc, tai, mũi, mồm, cổ anh làm anh cuống lên không biết phải làm sao. Xong bà nói:

- Mũi mày đâu có tẹt? Mày khá đẹp trai đấy Hoàng à!

Một lần khác bà hỏi anh "Tại sao tao thấy mày buồn thế?" anh nói anh đâu có buồn, bà nói "mày không giấu được tao đâu, tao biết lòng mày ra sao." Làm anh rất ngạc nhiên. Guthrie kể cho anh nghe cuộc đời của bà từ khi còn nhỏ cho đến khi lớn lên, bà khổ tâm thế nào vì bị tật nguyền, vì không giống những đứa con gái khác, lúc nhỏ thì có nhiều bạn và lúc lớn lên khi có tình nhân. Bà bảo đi đến đâu người ta cũng tội nghiệp bà mà ít ai yêu thương bà. Rồi bà quay sang anh đột nhiên hỏi:

- Hoàng à, mà có tội nghiệp tao không? Tao xinh thế này mà tao mù, mà thấy tao có khổ không?

Anh lúng túng chưa biết nói sao thì bà lại nói đỡ cho anh:

- Tao biết mà là người tình cảm, mà hiểu giá trị của con tim, mà không thương hại tao đâu!

Rồi bà quay mặt đi, anh thấy hai giọt nước mắt chảy xuống má bà. Anh vội nắm tay bà, anh nói:

- Tao hiểu cái khổ của mà Guthrie à, tao có nhiều cảm tình với mà lắm! Nếu không, tao đâu có ngồi tâm sự với mà?

Bà cố cười và nói:

- Cám ơn mà, tao biết, tao biết!

Bà cũng kể cho anh vì quá thất vọng và không còn muốn sống tại quê nhà nữa nên bà chịu bỏ một trăm dollars để cho công ty bán người đăng báo tìm chồng cho bà. Bà tự coi như một nô lệ được Bob mua đưa về Mỹ. Anh bảo bà đừng nói thế lỡ Bob nghe được thì thêm nhiều chuyện khó khăn cho bà, bà nói:

- Tao chỉ dám nói với mà. Tao buồn nên buột miệng, không dấu kín được lòng, mà thông cảm chớ có nói lại với ai, nghe không Hoàng!

Một lần khác bà nói với anh một câu làm anh ngã ngựa không tin tai mình nữa.

- Tao muốn nói với mà câu này, mà có muốn nghe không, không muốn thì thôi tao không nói.

Anh không hiểu bà muốn hỏi gì nên hỏi lại:

- Câu gì mà có vẻ bí mật thế?
- Tao buồn lắm, Bob chẳng ngó ngang gì đến tao hết!

Anh không muốn đụng vào vấn đề tế nhị này, anh chỉ là người ngoài cuộc, chẳng may mà dính dấp vào chỉ thêm vấn đề, không ăn cái dải rút gì. May quá đúng lúc đó mấy đứa bạn kêu anh về.

.....

Ngày anh sang xin Bob cho ở căn phòng ở dưới nhà lúc ấy bỏ không, ông nói ông phải hỏi ý kiến Guthrie, và anh nghe thế, anh biết là được rồi, vì bà vốn có cảm tình với anh và luôn luôn muốn giúp anh. Quả nhiên ngày hôm sau khi gặp hai người, họ vui vẻ tiếp chuyện anh và Bob ra một số điều kiện với anh như phải giữ gìn nhà cửa sạch sẽ, không được làm ồn ào, không được có đông bạn bè đến chơi, nhà bếp con ở dưới nhà anh toàn quyền sử dụng nhưng phải giữ cho sạch, có nhà xí ở dưới nhà anh được xử dụng một mình, chỉ có cái là khi đi tắm thì phải lên lầu dùng chung với hai ông bà. Ông hỏi anh những điều kiện như vậy có gì anh thấy quá không, anh nói không. Và

ông nói lúc nào muốn đến ở thì đến, ông không lấy tiền thuê, ông chỉ muốn giúp anh mà thôi. Anh nói anh xin đóng góp mỗi tháng hai trăm trả tiền điện nước này kia, ông bằng lòng. Anh vốn dĩ muốn cho sòng phẳng, không muốn sau này mang nợ quá nhiều, không biết làm sao mà trả.

Chừng một tháng sau thì anh đến ở hẳn bên nhà Bob và Guthrie. Anh thấy cuộc sống của anh thoải mái hơn vì nay anh có một căn phòng rộng lớn với đầy đủ đồ đạc vì căn phòng ấy từ ngày không dùng làm văn phòng làm việc cho Bob nữa thì con gái lớn của ông đã ở đó, nhưng nay cô đã đi làm không còn muốn lệ thuộc vào bố, nhất là không còn muốn sống với người mẹ ghẻ mà cô không ưa. Anh được sống độc lập hoàn toàn vì hai ông bà không bao giờ xuống dưới phòng anh khi anh có mặt ở nhà, mặc dù anh biết lúc anh đi học thì thỉnh thoảng Bob có xuống xem anh giữ gìn căn phòng có sạch sẽ không. Chính Bob một lần đã nói với anh:

- Tao vào coi phòng mày, tao thấy gọn ghẽ và rất sạch sẽ, tao rất hài lòng.

Mỗi tối thứ sáu anh lên ăn cơm với hai người, có khi anh mua đồ ăn Việt nam về ăn, có khi anh nấu nướng ở nhà. Hai ông bà rất thích tính thân thiện của anh và Bob tỏ ra là một người rất vui nhộn, ông hay điếu và hay nói chuyện trời biển, Guthrie trước mặt ông thường dè dặt, anh thấy bà không tự nhiên như một người vợ bình thường, không hiểu có phải vì bà tật nguyền hay không. Nói cho ngay việc anh ở đó tốt đẹp chỉ có vấn đề đi tắm của anh là hơi trở ngại. Anh thường đợi cho hai người đi đâu ra ngoài thì mới lấy quần áo, khăn và xà bông lên trên nhà tắm, kẹt lắm anh mới tắm khi hai người ở nhà.

Cho đến một hôm bà giới thiệu với anh một thanh niên tên John là một tay chơi vĩ cầm, John là người mỹ trắng trông rất thư sinh, hai mươi tám tuổi, hai người mỗi tuần gặp nhau vài ba lần hòa nhạc chơi với nhau, nhiều khi có sự hiện diện của cả Bob lẫn anh, nhiều khi không. Anh không biết giữa hai người có chuyện gì khác xảy ra ngoài đánh đàn hay không. Sau đó chừng sáu tháng, anh thấy Guthrie vắng nhà cả tuần và Bob có vẻ buồn lắm, anh nghi Guthrie đã cuốn gói ra đi với anh tình nhân trẻ John rồi. Anh tránh không hỏi Bob, nhưng một hôm ông xuống phòng anh và nói với anh ý định của ông là sẽ bán căn nhà và về New Orleans sinh sống với cha mẹ anh em. Khi đó Hoàng đã có xe, anh cũng sắp ra trường, anh cũng không còn nhất thiết phải ở gần trường State. Anh đi làm giáo sư cũng đã hai năm, lương tuy không nhiều nhưng đủ để cho phép anh đi tìm một nơi thích hợp khác để ở. Anh xem báo thấy nhiều nơi chủ ở trên lầu, cho thuê phần dưới nhà, thường là phần trước kia dùng làm gara cho xe hơi, sau này sửa thành phòng để ở. Anh tìm được một căn phòng cũng khá lớn cho thuê 300 đồng một tháng, có nơi nấu cơm và nhà tắm riêng, anh bèn dọn đến. Sau đó chừng một tháng

anh thấy nhà Bob treo biển bán. Từ khi đó trở đi anh không còn dịp nào liên lạc với Bob nữa. Anh không có địa chỉ mới của ông, và anh nghĩ chắc ông đã đi Louisiana rồi.